

BIỆT TRUYỆN VỀ SA-MÔN HỘ PHÁP ĐỜI ĐƯỜNG LÀ NGÀI PHÁP LÂM

*Sa-môn Ngạn Tông chùa Hoàng Phước
ở kinh đô biên soạn.*

QUYỀN THƯỢNG

Pháp sư húy Pháp Lâm, họ Trần, người quận Dĩnh Châu. Là con cháu của Trọng Cung. Viễn Tổ vì làm quan nên ngụ ở Tương Dương, lại sớm từ bỏ quan trường, Sư rất tinh thông bác vật nên đến sở Dĩnh thuộc Kim lăng, để tìm hiểu nghiên cứu các kinh giáo của đạo Khổng đạo Phật. Thế là rõ thông hết cử bộ, tường tận cả trăm nhà hiền triết, suốt thấu lời vàng tử sâu giống ngọc. Thường than rằng: Làm bậc Đại trượng phu không có khả năng lập chánh bỏ tà giữ gìn giếng mối Đạo lý, há là chẳng xấu hổ khi nổi bước Long Thọ, Mã Minh sao? Nếu không thì nên ẩn mình giữ tâm ở chốn núi sâu hang thẳm.

Thế rồi, vào tháng năm mùa Hạ niên hiệu Khai nguyên thứ mười bốn, đời Tùy Sư đi ẩn dật trong động Quỷ Cốc trên núi Thanh Khê, xem tường các lẽ huyền diệu của Đạo nho, không luống bỏ thì giờ. Lều tranh ở chốn xa xôi chỉ được che bằng nhật nguyệt. Cửa bằng hư không, thở ra hít vào chỉ có gió mây.

Nhân khi chọn lựa lại ghi về núi Thanh Khê, có hơn tám ngàn lời, lý thú thì cao vợi mà văn chương thì bóng bẩy. Vì thấy truyền ở đời cho nên ghi chép lại. Nhưng Pháp sư luôn ẩn đức che mình, mỗi lời nói việc làm đều thệ nguyện giữ gìn cho đời mạt thế, quán sát hóa độ những người ở thượng kinh. Thế rồi vào mùa xuân tháng ba niên hiệu Nhân thọ thứ nhất (601) mới bỏ Sở mà đến vùng Tứ Xuyên của Tần. Trải qua ba cõi du khắp tám miền, ở mỗi nơi đều có học tiên thuật, sấm lục, hư trần của Lý môn. Phục sức màu đen để tìm hiểu nguyên ủy cho được tường tận, mượn y mũ của bọn Hoàng Cân để tìm cho hết cội nguồn tông phái, theo họ đến ở trong quán trọ. Nhưng Pháp sư chạy lạt trang nghiêm, mỗi lời nói đều thánh thoát diệu kỳ. Còn các Đạo sĩ, cũng tranh nhau hợp với kim lan, hết dạ khoe sơn, nên khiến cho tam thanh bí điển

thông suốt lẽ huyền tân. Các yếu đạo u huyền ở chín phủ đều đạt được ý chỉ cát vọng hư vô. Những điều còn thắc mắc trong lòng đều nhờ họ Lý giải thích rồi ghi nhớ vào tâm.

Đến đầu niên hiệu Vũ Đức, thì trở về với Đạo Phật, đủ để bước chân vào pháp Đạo, đến khắp các trước giảng. Ý muốn dùng Thần Châu để thay đổi trời đất mà làm khuôn phép cho đời. Nhân đó mà đi đến Đạo tràng tế pháp, tâm sống trong định tuệ. Đến tháng chín mùa Thu niên hiệu Vũ Đức thứ tư. Có vị Đạo sĩ trước kia là Thái sử ra lệnh cho quan Phó dịch rằng: Trước vị này cũng mặc áo đội mũ vàng. Lập ra mười một điều để phá hoại Phật pháp. Đại khái như: Kinh điển đạo Phật đều là luống dối, nói các việc yêu tà làm hại nước phá nhà, không hề nghe Đạo này làm lợi ích cho đời. Xin đuổi trả về Thiên Trúc loại tà giáo của ông Phật người Hồ kia, còn bọn Sa-môn thì đuổi về quê nhà. Như thế thì nước nhà mới được xán lạn an lạc giáo lý đạo Khổng đạo Lão mới được lưu hành.

Vua Cao Tổ tiếp đọc hiến thư, liền hạ chiếu hỏi Sa-môn rằng:

Cạo tóc lia bỏ cha mẹ, bỏ y phục đẹp của các quan. Lợi ở chỗ nào và ích ở đâu? Hai điều này xin giải thích rõ ràng. Mà Pháp sư tu hành đã lâu, biết hết mọi điều. Nay xin thừa theo đây!

Sau khi đọc chiếu, Pháp sư bèn trần tình đáp:

Pháp lâm này nghe, chỗ chí đạo dứt bật lời nói. Há là ở trong chín cõi mà lại biện bạch. Pháp thân là vô tướng, chẳng thể đem kinh luận mà nói hết được. Nhưng vì chúng sanh trong bốn đường nổi trôi mênh mông trong biển đục. Ba cõi qua lại đọa lạc trong núi tà. Người mê mờ nên tự đốt mình, bị chìm trong biển khổ mà không thoát lên được. Bậc Đại Thánh vì muốn cứu vớt chúng sanh nên xuất hiện ra đời. Bậc chí nhân giáng thân, mở cửa giải thoát, chỉ cho mọi người con đường an ổn. Thế nên từ dòng dõi vua chúa Sát-đế-lợi, đều lia bỏ ân ái mà đi xuất gia. Hàng quý tộc ở Thiên Trúc, xả bỏ vinh hoa mà vào đạo. Cũng vì vậy mà Thái tử Tất-đạt xả bỏ y phục Long bào để mặc y phục ruộng phước. Thệ nguyện ra khỏi hai thứ sanh tử của thế gian. Chí cầu diệu quả Niết-bàn. Mở mang đạo pháp đền đáp bốn ân, đem công đức cứu giúp khắp ba cõi. Đó chính là điều lợi ích vậy. Trong phẩm Thế Phát Xuất Gia của Kinh Phật Bản Hạnh có bài kệ:

Giả như ở lâu trong ái ân

*Đến giờ mạng tận cũng chia lia Vô
thường khoảnh khắc nên soi xét*

Thế nên nay ta cầu giải thoát.

Vì khát ngưỡng ân đức đó mà người tu hành lấy việc dứt bỏ điều ác để lập thân. Khâm kính Đạo phong mà giữ mình tu điều lành cho nên xem thường thân tướng để thành tựu chí nguyện ấy, cho nên cạo bỏ râu tóc, hình dung đẹp đẽ, thay đổi cuộc sống thế tục để hội ý đạo. Cho nên mới xả bỏ y phục đẹp của vua quan. Tuy thiếu sự phụng dưỡng cha mẹ, mà lòng vẫn ôm chữ Hiếu. Lễ tuy trái việc thờ vua mà tâm vẫn giữ ân sâu, chọn lựa oán thân để thành đại thuận. Phước đức thấm nhuần, u hiển há là câu chấp ở chỗ chút trái. Bậc thượng trí y theo lời Phật dạy để làm lợi ích, còn hàng phàm phu vì thiếu lời thánh giáo cho nên bị tổn hại. Thế nên ngăn ngừa việc ác thì kẻ lạm bàn sẽ tự đổi mới, tiến tu điều lành thì sẽ cảm hóa đến người. Cúi mong Bệ hạ là bậc chí đức, dùng tâm nhân từ mà nuôi dưỡng muôn dân. Lại hàng phục dục tình, chánh pháp lưu ý xuất gia, rải mây lành khắp để làm mặt trời Phật thêm sáng, đem lợi ích cho đạo khó có thể nói hết. Từ đây mà Đế nghiệp của Đại Đường ân đức nhuần thấm cả trăm họ. Hạt giống Thánh tạo nên móng lớn, ban ân tuệ khắp muôn nơi. Không dám đem lòng ngu muội mà đo lường tâm trời. Cúi mong Bệ hạ soi xét.

* Bấy giờ, vua Cao Tổ ngự xem các Thiên sư đối đáp, rốt cuộc cũng không chối: Pháp sư vào cung, không mong diệt sao?

Vua chỉ truyền nội thị điều trần các việc, chứ chưa cho ban hành, nhưng bài hịch đã công nhiên truyền bá xa gần. Những lời chế giễu đầu trọc truyền khắp làng xóm. Bài về nói về quỷ hồ rêu rao khắp quán rượu. Đây là muốn che lấp ánh sáng mặt trời Phật để không còn chiếu soi. Làm cho dòng pháp bị tắc nghẽn không thấm nhuần muôn nơi. Lúc này bậc Quân tử thấy xa học rộng càng nhiều. Mà bậc kế lý danh tăng hào khí chẳng phải một.

Có vị tổng trì Đạo tràng là Thích Phổ Ứng, là bậc giới hạnh tinh ròng, bác vật bất quần. Khi xem lời hịch cuồng ngôn, nhân đó mà Ngài soạn bài văn phá tà luận hai quyển. Lại trước kia thường giúp đỡ cho Lý Sư chính nên vị này cũng quy tâm theo Phật lý, dốc lòng với huyện tông. Mà ý còn phần giận trong lòng.

Ngài lại soạn ra tập “Nội đức chánh tà nhị luận”, mỗi bài đều dẫn sơ Phật mà chỉ rõ nghiệp duyên, lại dẫn thêm lời phạm nói rõ về tà chánh.

Pháp sư đều có hỏi qua tác giả, xem đủ các văn từ, có chỗ vẫn chưa ổn. Nên nói với mọi người rằng: Kinh giáo để phế lời bài dịch, há là chỉ dẫn lời ra mà phế được chứng thành. Tuy là muốn phá tà quy chánh, mà chưa nêu được nguồn gốc của tà giáo. Nay xét đạo Khổng,

đạo Lão thì Sư kính văn Phật, Tông giáo kia làm những điều luống dối sai lầm, mọi người đều cho là phải.

Nhân đó, Pháp sư liền soạn “Phá Tà Luận” một quyển. Có hơn tám ngàn lời, lý lẽ đều hòa hợp, được truyền khắp trong ngoài.

Những ngài bút của Pháp sư đã đạt đến chỗ thanh thoát diệu kỳ đứng đầu mọi người, bèn khiến cho các bậc hiền sĩ đều thích ghi nhớ trong tâm. Các bậc danh nho trên đời cũng cất trong nhà một bản. Thật có thể nói rằng núi từ sừng sững, biển lý rộng sâu, làm thuyền trong biển rộng, mà làm ngọn đèn biển chiếu soi trong đêm tối. Lúc đầu khi Pháp sư mới soạn luận thì đạo tục đều không nghe biết. Nếu không rộng lưu bố thì làm sao khai đạo nhân cho người thế tục.

Do đó mà tháng giêng mùa xuân niên hiệu thứ năm. Khải tâu lên Chử Hậu rằng: Bắt đầu từ thời tam nguyên ngũ vận, hưng khởi Thiên Hoàng nhân đế, lời văn được viết trên mu rùa ô-sách, điển tích được ghi lại trên bảng vàng trúc đỏ. Đo bằng lục hành cửu quang, sách muôn quyển của trăm nhà hiền triết. Không có việc gì mà không tuân theo phong tục nhân luân tín nghĩa, theo lời dạy của Chu Khổng, gom chung các yếu nghĩa đó lại cũng chưa đạt được nguồn gốc sanh tử. Lý này nên rõ vậy.

Không xuất xứ từ chỗ có không, há là bằng năm phần pháp thân, ba minh chủng trí. Vắng lặng thường vui, đâu còn đối đâu còn đời, rồi đến cảnh chân như chẳng sanh chẳng diệt. Từ đây có thể cứu giúp muôn hữu, từ độ khắp trăm loài, cùng vượt tới bến bờ kia giải thoát. Mở ra con đường rốt ráo vô vi, đưa chúng sanh ra khỏi biển khổ, cứu các con ra khỏi nhà lửa.

Hơn một ngàn năm Phật giáo truyền đến đất Hán, sáu trăm năm khám tháp nhìn nhau. Thần nhân nối gót, cho nên ngài Đạo An lên xe của vua Tần. Ngài Tăng Hội bước lên xe chúa Ngô. Trên tòa cao Pháp sư có thể phô bày tám chánh đạo. Hòa thượng Phật-đà khéo nói pháp năm thừa, pháp hóa khắp cả chín châu, phước thắm nhuần khắp cả ba đời, đều vì lợi ích cho chúng sanh. Chính là nghĩa này vậy.

Nhà Tùy vì đem binh mã gây nhiều loạn muôn dân nên xảy ra bốn thứ tai ách xấu ác cho bá tánh. Đèn tuệ đã tắt, mưa pháp cũng thôi rơi. Đến thời Đại Đường ta, trên ứng với tâm trời, dưới giúp dân lành tròn ý nguyện. Giúp trời để làm rực rỡ tam tượng, giữ đất để an ngũ nhạc. Muôn dân được nhờ ơn tái tạo, Cửa thiên môn cũng nhờ đó mà hưng thịnh. Cho nên muốn cho lục Tứ ngũ đế, tứ ba, tam hoàng, đều không trái với phong cách thuần phác để hành hóa pháp vô vi.

Trộm thấy bài dịch truyền bá đó là việc chê bai hủy báng. Tại ty sở đã chưa cho lưu hành, mà bài dịch đã công nhiên truyền bá xa gần. Các quán rượu trong nhân gian tranh nhau đàm tiếu. Đã làm lụy đến phong cách thanh cao mà cũng làm như ướm cho tập tục tốt đẹp. Lâu dài thì tà kiến này làm tổn hại ruộng phước nước nhà. Lý không thể được vậy. Cúi mong Điện hạ! Trở về quy y tam bảo, chín cõi đều hành theo mười điều lành, đó chính là chỗ mong chờ của muôn loại. Đến kỳ đạt được đại bảo thì đạo hiệp với Long bình Đức Quang phó Hậu. Một khi phát ra tiếng vang lớn, thì cửa ngõ kín cũng đều mở. Ánh quang minh chiếu sáng khắp nơi, thì mọi ngõ ngách đều soi sáng. Thật là tốt đẹp! Khó thể nói hết đó là ánh sáng đời Hán trở lại nơi đời, trùm khắp muôn năm. Lại có thể để tâm nơi cửa phước, theo tình thắng cảnh, làm cầu bến hào tường trong từng tâm niệm. Lại nguyện-bể tà kiến mà đốt lên ngọn đèn chánh pháp. Lấy đó mà điều phục giáo hóa chẳng phải là may mắn lắm sao? Bất kể là chí dù đang lo nghĩ muộn phiền, xin kính cẩn dâng lên Điện hạ “Phá Tà Luận” một quyển. Để tỏ bày sự uy nghiêm và làm tăng thêm niềm tin tưởng.

* Lại vào ngày long tiệm của vua Văn Đế, Pháp sư lại dâng biểu khải tấu.

Pháp Lâm này nghe nói: Người mà tâm tình tha thiết thì tiếng nói chắc chắn buồn thảm. Người lý chánh thì lời nói chắc chắn ngay thẳng. Cho nên gã cùng tử nghĩ thấu đáo ở lời nói. Nhọc người xin ca ngợi việc ấy? Vì sao? Vì trộm thấy vào những năm cuối niên hiệu Đại nghiệp dân chúng trong nước bị tán loạn. Nhị nghi thì chịu thảm độc, nước tứ hải dâng cao. Sóng gấm cát bay, cánh đồng gò cao bị đốt cháy. Năm ngựa tuyết đường mất hướng. Bọn đồng tử có lời ca “Bình Lũy” hễ giặc nổi lên thì lời hịch cũng bày tỏ sự cần kíp. Ngoài biên ải binh đao nổi lên không dứt. Đạo đức bị tiêu loạn, vận khí đã đến tận cùng. Thây chết như rạ, máu chảy thành sông. Dân không biết nhờ vào đâu mà sống, súc vật cũng chẳng còn. Thế là khổng cáo lên không có chỗ ném thi hài. Bá tánh khổ vì đời đảo ngược. Vận nước khốn đốn vì vô chủ. Há là chẳng phải do bánh xe pháp đã không còn vang tiếng, chánh giáo cũng lụi tàn. Thánh thượng vì lòng thương xót nhân dân, thuận theo mạng trời, đem đại nghĩa mà bình định vũ trụ. Lúc này, dân chúng đạo tục ai nấy đều vui mừng, từ đây hiệp với trời đất mà thông tám phong. Đo âm dương mà điều phục bốn mùa. Trên hòa với các nước, dưới thì sắp đặt nhân luân. Công che chở ngang bằng với Thiên thần. Hàng phục mưa gió cho muôn loài lớn lên, mở ra mặt trời, mặt trăng chiếu soi khắp cả, ơn đức

thấm nhuần cả cỏ cây muôn vật. Nên mới muốn thuật lại Cửu trụ, chép lại năm giáo, để mở mang sự học cho dân làng. Xa thì nổi nghiệp Hy - Hiên, gần thì đồng với Văn cảnh, công đức sự nghiệp muôn đời, không biết lấy gì mà diễn tả cho hết.

Thần trộm thấy, việc truyền bài dịch đó, lý lẽ chưa thông mà năm nội đã tan rã như băng. Người tìm đọc thì phá hết sáu căn than ôi! Lời tà làm mê hoặc chánh, lời ma làm bức bách chân, vãi không đáng cho những người hạ ngu nghe, huống là muốn cho vua biết trời nghe. Nhưng bài dịch đó truyền ra các nơi đều biết, thì làm sao nhân tình vô tội không gây ra điều ác. Văn đã cạn kiệt, hẹp lượng thì sự lý không rõ ràng. Càng làm nhục khuôn phép của tiên vương. Làm bại hoại mẫu mực của nhân luân. Vì sao? Phàm người không nói! Nói thì chắc chắn có ý. Phu tử có nói: Lời nói mà hợp lý, thì thiên hạ đều theo, một việc mà trái thường thì vợ con cũng quay lưng bội phản. Xét bài dịch nói về việc trên, được truyền bá khắp cả kinh đô cùng các vùng xa xôi từ trước đến nay, đều là lừa dối không thật. Thật là hủy nhục bậc Thánh. Như ý của bài dịch này, vốn là muốn nhân đây mà mưu cầu tiến đạt, thật không đem lại ích nước lợi dân. Thật là xem thường trong triều ngoài nội. Nhưng Bệ Hạ đã ứng thiên thuận thời, nắm giữ vận nước, hiểu được tâm tư của muôn dân trong nước, đáp ứng theo niềm vui của mọi người. Đem năng lực để phò nguy giúp đời. Lấy công đức để trừ hung dẹp nạn, uy đức bao trùm tiên vương, tiếng tăm cao hơn các vua trước. Lại còn quy tâm về Tam bảo, để lòng nơi ruộng phước dự vào hàng xuất gia, tất cả đều đội ơn thấm nhuần của vua. Nhưng bởi do chúng tăng không giữ gìn giới hạnh, để đền đáp ơn nước. Người không hiểu biết việc trái đạo, gây ra tội lỗi, cho đến khiến cho người ngoài làm bài dịch, phơi bày những điều xấu này. Đấm ngực đau lòng, không chỗ chôn xác. Nhưng tăng ni có tội, thì cam chịu cực hình. Chỉ giận lời hịch khinh nhục bậc Thánh, ngôn từ tha thiết thấm hại. Sợ để lâu thì bọn tà kiến nhân đây mà làm điều trái đạo. Người không hiểu biết dần dần sanh tâm dị kiến. Lại xét trong kinh xuân thu có nói rằng: Vua Lỗ Trang Công vào tháng tư mùa hạ năm thứ bảy, thường thấy sao không hiện, ban đêm trời sáng như ban ngày. Ấy chính là điềm ứng vào ngày Phật đản sinh.

Nhưng Phật có hai thân là chân thân và ứng thân, có hai trí là quyền trí và thật trí. Có ba minh tám giải, năm nhãn sáu thông. Thần gọi là không thể suy nghĩ bàn luận. Pháp gọi là chỗ tâm hành diệt, đạo này cũng đưa chúng sanh và các Thánh vào cõi Nê-hoàn, có năng lực dắt dẫn hạ phạm ra khỏi biển khổ.

Về sau, đời Hán Minh Đế niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười ba, vua năm mộng thấy người thân toàn sắc vàng đi đến. Điềm báo ứng Phật giáo du nhập vào Đông độ chẳng phải một. Có nói đầy đủ như trong sách “Hán Ngụy chư sử Diêu Thạch” v.v... Đến như ngài Đạo An, Đạo Sanh và Đồ-trùng, La-thập, đều là bậc Đạo cao đức trọng hạnh giải sâu xa. Các bậc danh tăng đương thời, đều được Quân vương và những người hiểu biết, quý trọng tôn sùng.

Từ hơn năm trăm năm đến nay, chùa tháp xây dựng khắp cả chín châu, tăng ni đầy khắp ba phủ. Đây là do vua chúa đương thời kính tin, trong triều ngoài nội quy hướng. Đạo pháp hưng thịnh từ đó đến nay không dứt thật là nhờ năng lực của nhà vua, nhưng vua tôi, cha con ở thế gian vẫn là những thứ ân sâu khó báo đền, trời xanh khó đáp trả. Hướng chi Phật là đấng cha lành xuất thế của chúng sanh, lại là thầy thuốc hay của cả phàm thánh. Nay muốn bẻ gãy muốn hủy nhục, thì lý ấy thật là không được. Hạnh đức Như Lai, trí vượt ra ngoài hữu vô, Tam Hoàng đâu thể lường được. Công đức Phật bao trùm cả tạo hóa, nhị nghi chẳng đo lường được. Thế nên Liệt tử có nói: Xưa Ngô Đại Tể hỏi Khổng Khâu rằng:

Phu tử có phải là bậc Thánh không?

Khổng Tử đáp rằng: Khâu chỉ là người học rộng nhớ dai, chẳng phải là bậc Thánh.

Lại hỏi: Tam Hoàng có phải là bậc Thánh không?

Đáp rằng: Tam Hoàng khéo dùng trí dững, còn phải Thánh hay không thì Khâu này chẳng biết.

Lại hỏi: Ngũ Đế có phải là bậc Thánh không?

Đáp rằng: Ngũ Đế khéo dụng nhân tín, còn phải là bậc Thánh hay không thì Khâu này chẳng biết.

Lại hỏi: Tam Vương có phải là bậc Thánh không?

Đáp: Tam Vương khéo biết thời, còn phải là bậc Thánh hay không thì Khâu này chẳng biết.

Đại Tể rất kinh sợ nói:

Vậy thì ai là bậc Thánh?

Khổng Tử nhíu mày rồi đáp rằng:

Khâu này nghe ở bên phương Tây có bậc thánh ra đời. Vị này không trị mà không loạn, không nói mà tự có niềm tin, không giáo hóa mà tự thực hành. Đạo pháp mênh mông, không thể diễn tả được. Nếu Tam Hoàng Ngũ Đế là bậc Đại thánh mà Khổng Khâu này che giấu không nói, thì có lỗi với các bậc Thánh ấy. Lấy đây mà xét thì chỉ có

Phật là bậc Đại thánh.

Xét trong Lão Tử Tây Thăng kinh nói rằng:

Thầy của ta đang hóa duyên ở Thiên Trúc, đã khéo nhập Nê-hoàn.

Phù tử nói: Thầy của Lão Đàm tên là Thích-ca.

Những lời đó nằm ở trong kinh sách của Lão Tử. Những chỗ kính Phật là bậc thầy trong văn chứng minh không phải ít. Há là những lời trong bài dịch mà có thể hủy báng. Xưa Công Tôn Long có soạn Kiên bạch luận, kết tội Tam Hoàng, chê bai ngũ đế. Đến nay người đọc qua còn cho là ấu trĩ, thật đáng buồn thay.

Nay chúa thượng là bậc thánh minh Quân, mà muốn bỏ trâu ngựa, cưỡi lừa đắp mộ mà dấy lên phong cách của Tam Hoàng, khai hóa đạo Thích lão. Thì những lời cuồng gian ấy rất nên đốt bỏ. Nếu nói Đế Vương không có Phật thì việc trị nước được lâu dài, có Phật thì bạo ngược đoán phúc thì xét đời vua Nghiêu vua Thuấn chỉ cai trị đất nước một mình, không truyền cho con cháu. Đời vua Hạ, Ân, Chu, Tần mỗi thời chánh trị đều thay đổi. Việc nghịch loạn dấy lên bên trong vẫn đến, khi ấy đâu có Phật mà vận khí cũng đâu được lâu dài.

Nhưng Pháp Lâm, v.v... trước ở đời Nghiêu, những việc thường ngày đều không biết, thấy bên ngoài các việc truyền hịch xảy ra. Vì sợ các nước xa nghe biết, cho là Hoa Hạ không có người hiểu biết, Phu Tử nói rằng: Nói đủ việc thiên hạ mà miệng không lỗi. Làm đủ các việc trong thiên hạ mà không có điều oán ghét. Thì người nói đó muốn không gây tội. Người nghe để tự răn mình. Những lời nói ra đó của bài dịch khiến cho người nghe đều sợ hãi, sẽ làm cho phong tục nước nhà bị tổn hại. Vậy cúi mong Điện hạ suy xét, xem qua những lời khả tấu này.

Đại Vương Điện Hạ! Trời cao anh linh, tự nhiên vẫn cao lớn khác người. Thần phong chót vót mà độ lượng muôn loài. Lấy điều tốt lành làm vui mà đến cõi Đông Bình. Vì ôn dịch mà thích đến chốn Tây Sở. Hoặc toan tính cho người nương tựa. Hoặc bày ra lục điều. Nhân đức bao trùm khắp muôn vật. Dù làm khách của Yến Văn Nhã, đem lời thơ rất đổi duyên tình, phú đến chỗ tận cùng của thể vật, thì lòng tin có thể được yên vui ở trong triều ngoài nội, đội mũ đẹp làm bậc anh minh tiền bối.

Nhưng pháp Lâm này, dù biết mình tài đức chưa trọn vẹn, ít người biết đến, nhưng thấy bài dịch của bọn hạ ngu đem ra để chế giễu phàm tăng. Lời lẽ mắng nhiếc ác độc, tội không phải nhỏ. Từ thời Tôn Lư

Hách Tư về sau, sau khi trời đất mở mang thêm, chưa có bài cuồng dịch nào trái lý như thế. Không có ý chặt xương thì đau lòng. Lại đem trình cho vua để bày hết mọi lời lẽ thô bỉ, lời nói lại không chánh đáng, làm tổn giảm uy nghiêm, lại thêm dứt hẳn. Nay xin khải tấu trình lên. Ngày mùng hai, tháng năm, niên hiệu Vũ Đức thứ sáu. Sa-môn pháp Lâm ở chùa Tế Pháp khải tấu chúa Thượng.

Bấy giờ bọn Hoàng Trữ, nhân bài luận tấu của Pháp sư, Cao Tổ còn đang ở chỗ khác, nên giao cho Thị SỞ Trần đem vào chánh tẩm để luận bàn. Nay thích môn lại khải tấu, thật là nhờ vua ta thương lượng.

Pháp sư có việc ấy nhưng phó Thị SỞ dùng tư tưởng cuồng loạn nịnh hót triều đình, cho nên ôm lòng bất tiểu, muốn ủng hộ tà đạo nên xuyên tạc chánh giáo, ngọc đá cũng lẫn lộn, đồ tím thật khó phân biệt.

Vua Cao Tổ, chấp nhận lời luận nghị, nhưng không tự rõ. Sau vào tháng ba, mùa xuân niên hiệu Vũ Đức thứ chín, vua ban chiếu hỏi Hoàng Trữ rằng: Trẫm xét, từ khi Phật giáo hưng khởi đến nay. Hàng tăng ni vào đạo vốn cắt đứt duyên đời, thuế má không thu, lính tráng đều được miễn. Theo lý thì xả bỏ hình tục ở chốn thiền viện lấy đức mà an cư chân tánh, thì nên trọn đời lấy cửa Thích Tôn mà an thân dưỡng tánh. Những năm gần đây bọn Sa-môn lại gây nhiều tội lỗi, trái phạm giới luật lại phiến đến chánh sự, chẳng làm điều ích nước lợi dân, lại tu theo tả đạo.

Giới của Phật tuy có nghiêm lệnh cấm ngăn, nhưng đều không sợ. Lấy việc này cũng đủ rõ, dường như chẳng chân thành. Nay trẫm muốn hủy bỏ hết hình tượng, phế diệt tăng ni. Mà còn sợ làm kinh hãi bậc phàm thánh. Các khanh xét xem có nên không?

Hoàng Trữ đáp rằng: Thần nghe Đạo ba thừa khởi phát đã giúp cho các con thoát khỏi tai họa nhà lửa. Bát chánh đạo khai mở, giúp chúng sanh giác ngộ đạo vô vi. Thế nên khi mây từ giảng phủ thì không phân biệt là cỏ hay hoa. Mặt trời trí tuệ chiếu soi thì đâu kể hang núi bến bờ. Vả lại, từ lúc lập giáo, đạo Phật đã đem mọi phép tắc nhiệm mầu tỏ sáng khắp nơi, chí lý thật là sâu xa khó đo lường được. Tuy có nho thuật của Chu Khổng, huyền phong của Trang Lão, đều muốn tùy theo đây mà không trái đạo lý. Những bậc hiền sĩ ở đời, và đáng minh quân xưa nay, đều tôn sùng quy ngưỡng không có trái phạm. Đời nay, người ta phần nhiều đều gian trá, xảo quyệt. Người xuất gia cũng chưa phải là bậc toàn thiện. Dù đã vào đạo cũng chưa dứt hết sự kiêu dâm. Cũng có người vì trốn thuế trốn nợ mà dối nói là học đạo, tìm cách an thân sớm tối, giả xưng là tăng môn.

Lại có bậc uy nghi đầy đủ, chí nguyện như châu sáng, giới hạnh không thiếu, tâm như ngọc sáng. Nay Bệ hạ muốn họ hoàn tục hết mà không phân biệt được người hiền kẻ ngu, chỉ sợ lửa cháy đến ngọn Côn Sơn thì ngọc hay đá cũng đều bị tiêu diệt hết. Sương rơi xuống khu vườn nào thì cỏ và hoa cũng bị ảnh hưởng. Chỉ lấy việc đó mà nói thôi cũng sợ làm thương tổn sự cai trị của vua. Nay trách Đức Như Lai hàng phục tội phật để dứt gian, chỉ có Phật tánh từ bi, pháp môn bình đẳng, không có kia đây, không có ta người, dứt hết thương ghét, lòng như biển rộng. Lúc đầy đủ thì không vọng tưởng. Khi hoạn nạn thì không giận dữ, xét rõ việc này cũng có thể chứng nghiệm. Vả lại. Thương Quân sống ở trong triều Thuấn, Đan Chu lớn lên từ nơi cung Nghiêu. Nhị tử tuy chẳng phải là người nhưng vẫn còn không thiếu bậc Thánh của hai vua. Nay bỗng nhiên do lỗi của Ngu tăng mà lại muốn hủy hình tượng Phật. Việc tiến thoái thương lương, lý vẫn chưa thể được.

Vua Cao Tổ lại hỏi các quan rằng:

Bài truyền dịch mỗi lời đều đối với trăm mà nói rằng: Phật giáo là vô dụng, trăm muốn đem việc này ra bàn luận ý các khanh thế nào?

Lúc này, có Quan Tả Bộc Xạ là Ngụy Quốc Công Bùi Tịch, dâng lời can ngăn vua Cao Tổ rằng: Thần có nghe! Thuở xưa Tề Hoàn Công cùng với quần thần là Quản Trọng, Bào Thúc Nha, Ninh Thích... Cùng uống rượu vui thích, Tề Hoàn Công nói với Bào Thúc rằng: Các khanh hãy vì quả nhân mà chúc rượu đi.

Bào Thúc dâng rượu và chúc rằng:

Nguyện cho vua tôi không quên xuất xuất từ huyện Cử. Nguyện cho Quản Trọng không quên lúc bị trôi ở nước Lỗ. Nguyện cho Ninh Thích không quên bữa ăn của ngựa.

Lúc này, Tề Hoàn Công rời khỏi chỗ ngồi mà từ tạ rằng: Quả nhân cùng hai vị Đại phu, sẽ không quên lời nói của phu tử. Được thế thì xã tắc nước Tề chắc chắn sẽ không bị phế diệt, lời này là thường nhớ người xưa vậy.

Bệ hạ! Xưa khai sáng chí của Nghĩa Sư, nương tựa Tam Bảo, nói rằng đem chín mươi lăm lời thệ nguyện mà khai sáng huyền môn. Nay Bệ hạ sáu cõi đã quy về, nhân phú có bốn biển. Muốn theo lời tà mỵ mà hủy phước Phật tăng. Đây là do còn thiếu lòng tin của bệ hạ, nay xin xét lại, đừng để muôn dân mất chỗ trông cậy, lý không thể được vậy.

* Vua Cao Tổ nghe lời can ngăn của bọn Trữ Hoàng, bèn ban sắc rằng: Chỉ lưu lại ba chùa ở kinh đô và một ngàn vị tăng, còn bao nhiêu thì ban cho các vương công, tăng lữ thì trả về đồng ruộng quê nhà.

Nghiêm lệnh đã ban, đen trắng thật khó phân, nên không dám trái ý mà vâng chỉ.

Ngày mùng sáu tháng năm mùa Hạ, vua Cao Tổ băng, văn Đế nhiếp chánh. Đại xá cho người dân trong nước, trở lại thần cư.

Mặt trời Phật nhờ đây mà được hưng thịnh. Lại nhân vì bài dịch truyền trước kia nên có các đạo sĩ là Lý Trung Khanh, Lưu Tiến Hỷ v.v... đều trình bày ý kiến nhỏ hẹp của mình, và soạn dung văn. Họ trước tác “Thập di, cứu mê” và “Hiển chánh đẳng luận” chê Phật thánh làm tối tâm sanh linh. Lời nói trái khuôn phép, đều trái với kinh sử.

Pháp sư xem qua những lời trước thuật, thì thương xót người lầm lạc, liền soạn luận văn, để làm lời biện chánh. Rõ ràng Pháp sư dùng sự hiểu biết rộng lớn của mình chẳng phải một ngày mà thành. Lúc này dùng văn thư đương nhiên là lần nữa lâu dài. Có Quan Hữu Bộc Xạ Sái Quốc Công là Đỗ Như Hối muốn đem chí khí của mình trình lên Thiên đình, nên cùng Pháp sư dốc chí muốn khai hưng chí đạo Pháp sư cũng mượn lời kẻ sĩ. Nên gửi thư nói với Pháp sư rằng:

Pháp Lâm ở chốn núi non, ăn cây trái mặc áo cỏ. Đối với muôn sự dẫu có chí thành cũng đồng với cây cỏ hư nát. Không biết hết chuyện đời, ngậm miệng không nói đến trọn đời. Trong thì thẹn với đức của người trước, ngoài thì hổ với muôn lời khen. Đó chẳng phải là cô phụ ngài Tuệ Viễn, cũng thật là để lụy cho ngài Đạo An. Thế nên muốn giữ chí mãi với tuổi xanh, quy tâm vào núi biếc, ẩn mình giữa chốn tông lâm, thưởng pháp vị của kinh thư. Bên am cốc nơi dòng suối ngắm xem chim cá. Há chẳng phải là chốn từ lâm rộng lớn lại nhập vào cõi trần bao la. Làm khách ở lâu trên đất Tân Xuyên, bỗng chốc lại xa lìa nước Sở. Bèo trôi trên bát thủy, lá rơi trong ba cõi, che lấp tâm khẩu đã lâu. Cái tình của Trọng Thúc đầu có gì đáng nương cậy. Ngồi ở linh đài mà sanh tâm buồn giận, lên Bạch Xã mà than thở, lòng luyến mộ Nam sào càng tăng, thương xót Bắc phong càng tha thiết, bất đắc dĩ phải lãnh thọ truân chiên, đối vịnh “thất ai”, luống ngậm “Cửu thán”. Mạng sống này chẳng biết như thế nào, lại thêm bệnh tật buộc ràng, nhiều năm liền tưởng chừng sắp dứt, chưa biết khi nào. Trăm nhà có muôn quyển chưa rõ ràng nhân người trước truyền lại đều mang nhiều văn vẽ, mà chưa dứt hết tà nguyên. Nay người lại muốn sửa sang để biện chánh, lại vì kinh thư không đủ, sách sử thiếu thốn, tuy hết lòng nhưng ngặt không biết nương dựa vào đâu.

Kính mong Quan Bộc Xạ, đem tài đức mà trừ liệu tính toán. Lấy uy quyền của Quan A-hành, Biết được gương sáng của người, ở chốn

sông núi xa xôi, mà có tâm tiếp sĩ đãi hiền. Biết được người phong tư soi sáng, thức độ mở rộng. Đã nắm giữ được hạt châu của rấn linh, lại có được ngọc ở Kinh Sơn. Cho nên cùng giúp đỡ nhau công việc văn thư Quan lại. Gương đức thì soi sáng nhà quan mà khen ngợi hình luật trong triều ngoài nội. Lại do môn xưng biển bút, thế hiệu nổi tông, không quên bốn hoài đời trước. Luôn có những điều lo buồn chất chứa. Muốn làm cho tro mùa đông thêm ấm, cây mục thành tươi.

Ngày trước, Vương Xán xem sách, để giúp Sái Thị. Tương Như đọc thư, thì phụ giúp Dương Hùng. Đó là ý của các nhà hiền triết và các sách, và văn tịch trong ngoài từ thời nhà Tấn, Tống đến nay. Có sự tương quan với kinh Phật. Nay xin nguyện soi sáng, sao chép ra mà kính trình lên. Mong được đặc ân che phép, đọc qua lời cầu thỉnh này.

Nhưng tà kiến và tín tâm xưa nay đều có người lành và bọn ác ngày nay vẫn còn. Trước đem chuyện phó tử đua nịnh, lược trình lại tiểu luận, lại mong được quan trên soi sáng bao dung, trong lòng chỉ biết hổ thẹn đức tài. Xưa, có bài phú Tam Đô, chưa gặp được Trương Hoa nên không người được thưởng. Nay bộ luận “Phá tà” không gặp Quân tử thì ai biết quý trọng. Rồi đạo tục bốn phương ở các chân trong nước, đều lưu thông sao chép khen ngợi thành chương, xong tâm người tà đạo, phát khởi điều lành cho người ngu, há chẳng phải nhờ năng lực của mình công sa? Chắc chắn có khả năng làm lợi ích chúng sanh, bạc hữu Quần mê. Xin hồi hướng sự trang nghiêm này về Phật đạo.

Bấy giờ, Đỗ Công đáp thư của Pháp sư rằng: Thân hèn này nhờ Đề-bạt mà lưu tiếng với đời. Lời hay bông ghi, làm cho lời mình thêm sâu sắc. Kính mong Pháp sư mạng thế càng cao thì lòng càng soi sáng. Khí lượng càng rộng lớn thì sự hiểu biết càng thanh thoát, khí lượng sâu xa mà thức độ thanh thoát. Vượt cả Phật-trùng, La-thập để làm sáng tỏ người trước. Hơn cả Đạo An, Tuệ Viễn mà cùng lưu dấu cho người sau. Nói cười trên đống tro tàn của nhà Hán, luận bàn đương thế của nhà Tấn. Trong thì làm cho phong phú năm thừa, hiểu tận cùng tám tạng. Ngoài thì bao gồm cả trăm họ, tỏ thấu cả chín lưu. Ẩn nơi tử đài mà đón rước, trốn giữa thanh Khê mà ca ngâm. Đưa ngọn gió của ngài Tuệ Viễn đến chỗ xa xôi mà xem dấu của Đạo Dung. Chỉ những muốn buộc lại giếng mối đạo mầu. Thế là Pháp sư dời gót khỏi sơn môn mà đến thượng quốc, thấy bài hịch của bọn cuồng đạo. Nên ngài liền làm bài văn phá tà để đối lại với những lời dối trá của bọn Lưu Lý, mà biện luận chánh tà. Kinh nói Bồ-tát Hộ Pháp, chính là nên như thế.

Xưa kia, nghe được lời này, nay lại thấy được người này. Nhưng

Phật tử nay thừa lệnh quan mà cảm thấy xấu hổ, lẠm mong được cất nhắc mà rất thẹn với A-hành.

Sách nói: Đem biển bút mà nổi tông, cũng thành ra luống dối, huống chi gia nghiệp đệ tử chẳng phải Cấp Quận, há là có sách để luận giải. Thất khác nước Lỗ, lý lại không đủ chữ nghĩa. Người thì lại khác hai đội, đời thì khác ở hai mũ. Ngũ thể cách đoạn, tứ bộ phần nhiều thiếu sót.

Pháp sư đã dựng chí theo Giác Đức, nổi gót theo Đề-bà. Đệ tử cũng dám trình bày ra mà sánh với Trung sơn, kính vâng lời các bậc thạc đức mà truy hỏi bọn Hồng nho. Rộng tìm chỗ cần dùng, xa thiết bày những điều cần làm. Cũng mong gần gũi bậc Thánh, phụng thừa đạo pháp. Xem qua văn từ đẹp đẽ của bậc thánh đức. Nghe luận giải của bậc Trưởng giả. Nhưng đệ tử việc vua bề bọn, đợi lúc nghỉ ngơi rảnh rỗi sẽ tìm đến ra mắt.

Bấy giờ, Pháp sư có thiếu thốn điều gì, thì Đổ Công đều cung cấp đầy đủ.

Pháp sư giải đạo tầm nho một cách cương quyết. Lập luận tạo ra có tám trục mười hai thiên, lưu hành khắp chín châu, truyền bá cả ba phủ, rõ ràng minh mông ai cũng có thể xem qua. May mắn có thể đến chỗ Đại La Ngọc Đế, lại sợ rằng ở trong chỗ cửa vàng, tiên quân trong chín phủ. Làm rung chuyển cả tứ thiên, sửa đổi quần tà ở cõi khác, chuyển tâm mê mờ của chúng sanh. Huống chi bọn tả đạo Hoàng Cân không làm cho khuynh đảo ư?

Có đông cung học sĩ là Trần Tử Lương, lời nói làm gương mẫu cho thế gian, sự học trùm khắp rừng Nho thấy được luận này nhân đó lấy làm lời huấn cáo. Đầu mối chính là đây vậy.

Nghe rằng, đấng Tuyên Hoàng nằm mộng, đạo pháp nhờ đây mà hưng khởi.

Bách Dương ra khỏi cửa ải, nghĩa nhị thiên liền thành tựu. Hoặc là buộc ý tưởng. Hoặc nghiên cứu sâu xa. Chỗ tên gọi thì không nêu ra, chỗ âm dương khó đo lường được. Vẫn còn có thể dời cả đất trời, bao gồm cả quỷ thần. Đạo không hợp với Đại thiên, lời không vượt ra khỏi nội giới. Huống gì pháp thân thì tròn sáng vắng lặng, vượt ngoài hữu vô. Chí lý bất động, nhiệm mầu, dấu vết khắp cả chân tục. Thể dứt bật ba tướng, lụy khắp cả bảy đời. Vô tâm tức là tâm, phi sắc chính là sắc. Vì Vô tâm tức là tâm cho nên năng tâm chính là tâm này, vì phi sắc chính là sắc, cho nên năng sắc chính là sắc này vậy. Rắn bay lên hư không, hình tướng, danh sắc đều vắng lặng. Ngoài lưới đánh bắt thì đâu

thể dùng lời mà nói được. Như thế, nên Tây Bá bị giam nơi đất Khương mà hiển bày tinh vi. Tử Trương nơi ngục kín mà thành bậc Tiên chí cho đời.

Cho nên Kinh Dịch nói rằng: Việc làm của người xưa thì dễ, nên có lòng suy nghĩ, lo lắng vậy. Hưng khởi luận này cũng chính có lòng tin như thế!

Pháp sư họ Trần, là con cháu của quan Thái Khâu Trương Trọng Cung đời Hán. Vì Viễn Tổ làm quan nên đi khắp vùng Giang Tả. Gần đây do cư ngụ ở đất Kinh Châu, đến đời nhà Tùy thì đến kinh đô theo thầy tạo cơ nghiệp. Có thể gọi là Ngọc đời vào hang núi mà ánh sáng vẫn tỏa khắp cùng. Quế ở trong rừng sâu thì mùi thơm càng bay xa. Pháp sư ứng theo điềm lành của chân nhân, là điều tốt bẩm thọ Hoàng y. Trong thì thông cả ba tạng, ngoài tỏ cả chín lưu, đã giỏi về duyên tình lại khéo về thể vật, lại càng có công với muôn loài. Viết sách thì lý nghĩa sâu xa, văn vẽ rõ ràng bóng bẩy đến chỗ tinh hoa chải chuốt. Khi thì nhẹ nhàng mà cao vút đến trời mây, vàng ngọc của Ban Giả cũng chưa thể đồng năm. Lấy hết cây cỏ đất đai ở sông hồ cũng không thể lấp hết. Còn học trò của Trang Tử, Mặc Tử, sách của Hoàng Tử, Lão Tử, văn của Tam Thanh, Tam Động. Văn thư cả cứu phủ cứu tiên, dù là chân thật bí truyền. Nghi thức Linh bảo độ mệnh, thuộc như lâu trong bụng, nói như nằm trên bàn tay. Lại thêm từng đọc qua Trung Quán, Thiếu Uẩn Pháp Hoa. Đã có văn trì, lại chuyên soạn thuật. Ngoài thì vận dụng suy nghĩ, dặt dấn không mỗi một. Giải thích Trung Quán thì có thể sánh cùng Long Thọ, bàn về thuyết tự nhiên thì không xa Lão Tử. Thế là người trong bốn phương đều kéo đến như trở về vườn Trường giả.

Bảy báu đều lẫn lộn như vào chợ Hoa Âm, đó chính là bậc học sĩ tài cao lỗi lạc khắp xa gần. Thật là bậc rường cột của khai sĩ, là tường hào của pháp môn. Bởi vì có các đạo sĩ Lý Trọng Khanh, Lưu Tiến Hỷ v.v... Tự bày kiến thức hẹp hòi của mình bằng văn tự, để hủy báng chánh pháp, khiến cho mọi người sanh tâm kính tin tà vậy. Pháp sư vì lòng thương xót sợ họ đọa vào địa ngục, nên phát tâm đại bi mà soạn ra luận này. Có thể gọi là vang cả biển pháp, động đến núi từ, đá ở trong Bích Khê cùng cạnh tranh. Ngựa tốt Hoàng mã cùng tranh phi nước rút. Chỗ nào lá cây cũng rụng, đưa dao búa lên thì mây tan sương quyện. Cũng giống như đốt lò lớn mà chỉ có một sợi lông nhỏ, như làm nguội lò luyện mà chỉ có chút bay. Những người thích phân thắng thua có thể xem đây mà biết vậy. Bỗng chốc đem lòng từ định mà phá sạch quân ma. Dùng đao trí tuệ mà hàng phục bọn ngu. Mặt trời Phật từ đây càng

sáng soi, mây pháp nhờ đây được trùm khắp.

Pháp sư bèn làm các văn từ thi phú, khởi tụng bia chí chương biểu. Tạo ra giáo pháp Đại thừa và phá tà luận hơn ba mươi quyển, lưu truyền lâu ở đời. Luận này văn có tám quyển, mười hai thiên và hơn hai trăm trang giấy. Nói tận cùng cội nguồn giáo lý của đạo Phật, đạo Nho. Nêu danh lý bình phẩm đến chỗ cùng cực. Đã soạn viết nhiều năm mà chưa truyền bá. Xưa, có Tần Hiếu Công nghe thuyết đế lý mà ngủ say, nghe đàm bá mà hưng khởi, Dương Xuân Hòa vì ít hiểu mà sanh lòng buồn thương thổn thức. Nhưng các tác phẩm do Pháp sư soạn thuật thì nội ngoại điển đều đầy đủ, sợ rằng kẻ hậu sanh thích việc có chỗ chưa rõ. Có đệ tử là Trần Tử Lương ở Dĩnh Xuyên thường gặng gỏi thưa hỏi cội nguồn, tự nhiên được sáng tỏ, hiểu thông mọi lẽ vào lòng, ứng cơ vắng lặng, thí như ánh sáng của hạt châu đủ soi chiếu muôn vật. Đã ngộ được sự huyền hóa của bốn đường, liền dứt sự ngao du trong trăm cõi.

Ngài đem những điều chưa nghe mà chú giải lại, kể đến đem đến cho người cùng thích, cùng xem xét kỹ lại. Niên hiệu Trinh Quán thứ nhất, vua Văn Đế bỏ cung Đại Hòa lại dâng thỉnh lên Cao Tổ khi đến chùa Long Điền, thấy cảnh sông núi hữu tình, trong tâm cho là kỳ lạ. Vả lại, Pháp sư dùng lời thuyết giáo nhã nhặn cao đẹp, bèn dời lên ở nơi đây. Đến tháng hai mùa xuân niên hiệu Trinh Quán thứ bảy, có Thái tử Trung Xá Nhân là Tân Tư, đặt ra hai điều khó để hỏi vị tăng Thích Tuệ Tịnh ở chùa Kỳ Quốc. Tuệ Tịnh nhân đó soạn luận Chiết Nghi để đáp lời Tân Tư. Luận này nằm trong Cao Tăng truyện, Tuệ Tịnh khi soạn luận có trình lên Pháp sư, Pháp sư đáp thư lại rằng: Gần đây có xem qua luận “Chiết Nghi” của Báo Tân Trung Xá Nhân, ý nghĩa văn từ thì bao gồm rõ ràng siêu tuyệt. Ánh sáng ngọc làm cho mắt hoa nên chưa thấy được. Tiếng khua vang làm ù tai. Đó là vì ở trong chỗ diệu tận không còn lời lẽ để diễn đạt. Thí như viên ngọc hành che khắp cả thất chính. Như biển lớn gom chung cả trăm sông. Thật là sáng sủa! Thật là minh mông!

Lời nói vượt ngoài mọi sự thấy nghe, lý biểu thật không thể suy nghĩ, bàn luận. Đủ để nhìn rõ muôn điều, mở được con đường của ý. Đến như trụ vô sở trụ, nghĩa kiêm tu ở tại đây vậy. Làm cái việc không làm, công đức cứu độ thật rộng lớn. Vẫn giữ lối mềm dịu mà căn lành sâu lắng, lý thì nhỏ nhẹ mà sáng sủa khác thường. Lẽ nào không đồng với huyền đạo. Phạm lập tượng để mà biểu ý, được ý thì quên tượng, nếu quên được cái phải quên, thì tình lý kia đây cũng đều mất. Không quên, cái phải quên thì Đại Tiểu thừa có khác. Cho nên biết khi mặt trời

mặt trăng đã ló dạng, thì đầu cần ánh sáng của đuốc. Cũng như khi mưa đã tuôn xuống thì đầu cần nước của ao đầm.

Cho nên nói: Kia đây có thể quên nhưng chẳng phải không có kia đây, đó là ta đã bỏ thân trước kia. Do bỏ thân này mà nói là vô thường, thân mới ta nay đang thọ, mượn nó mà nói là duyên khởi. Chẳng phải mới chẳng phải cũ, nghĩa huân tu này không thành. Vô thiện vô khắc, thì sự tốt xấu không có ai để chấp trước. Bởi mượn sanh diệt này để dứt bỏ các mê chấp đoạn thường kia. Nhờ nhân quả này mà chỉ con đường Trung Quán, dứt đoạn kiến, thường kiến thì kẻ mê lầm sẽ thấy được lối về. Lý Trung Quán đã rõ ràng, thì chân như tự hiển bày, hoặc là nói về nghiệp lý để làm sáng tỏ sự huân tập, vừa mở được báo phần để giải thích tự nhiên. Ý đã xuất ra lời nói ngay thẳng thì ý chỉ vượt ngoài câu văn. Báo phần đang hiện hữu, thì chim cú chim hạc không bỏ thân tốt xấu của nó. Nhân của tướng nghiệp lý, thì ve sâu và loài ong đều tự mình bay lên mà hóa thành. Có thể gọi đó là ở trong không danh tướng, mượn danh tướng để nói. Thế chân hòa hợp với tục há chẳng phải như thế sao? Thấy rõ tài do trời phú của Trung Xá Nhân, cũng chưa bằng với bậc thượng nhân nói cùng tận lý lẽ. Tử Kỳ có thể hổ thẹn đối với Tang Ngẫu. Nhan sanh cũng hổ thẹn với việc chết ngồi, có thể dứt đi mà nắm hai đầu. Dứt hết mọi nguồn gốc hoạn nạn nghiêng ngửa, Sở đã được thì Tề cũng không thể mất. Pháp sư là bậc học rộng không ai bằng, trí tuệ vô cùng. Nay làm bậc rường cột Phật pháp, làm thiện tri thức cho đại chúng. Thật cũng vang danh khắp nẻo, lại thêm nhiều lần ra mắt cửa vàng, thường đến nơi thượng tịch. Thổi gió huyền vào nơi hạc thước, đánh trống pháp ở nơi lầu rồng. Đã ở nơi trời xanh tung cánh, lại tung hoành trong bốn biển. Lấy chuyện xưa mà kể chuyện này, để người biết đến.

Ngài Pháp Lâm cáo bệnh lui về Nam Sơn mà giữ tâm nơi hang vắng. Không hề rời khỏi chỗ, suy tư chốn gió mây mà mọi việc đều không thấy không nghe. Gởi tâm tình ở nơi suối đá. Gặp chuyện thấy tên mà khởi lên ưu phiền. Vừa thấy quỳnh chương dùng để dứt bệnh lâu ngày, bồi hồi ngâm thơ đọc sách chất chứa trong lòng. Bất giác lấy giấy viết lại chuyện xưa, đem chút tâm tư bày trên giấy trắng. Chậm gặp kẻ sanh sau nên càng khai mở cho người chưa hiểu rõ, nên Pháp Lâm không lượng kiến thức hẹp hòi của mình mà thuật lại đôi chút bồn hoai của mình. Lời văn nói rằng: Mong làm sáng tỏ hai câu hỏi của Xá Nhân. Văn từ yếu chỉ rộng sâu, lý đạt đến chỗ mâu nhiệm. Đã mở khai ý nghĩa, văn phong lại rõ ràng vi diệu. Nêu bày Phật tánh vốn bình

đẳng. Lược nói về sự dắt dẫn chúng sanh. Trình bày hai câu hỏi khó này, là cùng trở về một mối, khế hợp với đạo lý. Ai có thể vì câu hỏi này mà luận diễn cao xa, thì thấy đẹp, thấy có đẹp mà vẫn còn nghi. Vì sao? Vì tìm về Thượng Hoàng đặt ra phép tắc mới lưu truyền danh hiệu của bậc Tiên Giác. Đấng Pháp vương ứng với cơ duyên vạn vật, bèn nêu lên danh hiệu Phật-đà. Trí tuệ là sự bao trùm tiểu thuật của phân biệt. Bát-nhã là đại tông của vô tri, phân biệt duyên khởi, cho nên xưng đại là Tiên Giác. Tánh vô tri vắng lặng, cho nên mượn gọi là Phật-đà. Sự phân biệt đều ở ngoài cái hữu số. Vô tri cũng ở trong chỗ vô tâm. Ở bên ngoài hữu số, thấy phân biệt mà không mất. Ở trong chỗ vô tâm, công năng dẫn dụ không mất. Thu hào rất nhỏ mà so với núi lớn. Chim Yến nhỏ mà sánh với Đại bàng. Đây không thể đồng niên mà nói được. Trang sanh nói rằng: Ta quên điều phải trái, chứ không quên kia đây. Đây há là việc thường sao? Cho nên kẻ tiểu trí không thể sánh với bậc đại trí. Người nhỏ tuổi không thể sánh với người lớn tuổi. Chỉ có Bàn Tổ đặc biệt được nghe, chẳng phải là việc mà mọi người đạt được. Huống chi lý ba đời không sai.

Cửa nhị đế đều có thể chứng nghiệm. Cho nên bậc thánh lập ra nhân quả phạm phu có được kỳ hạn thành Thánh thì đạo xứng rất tự nhiên. Học giả không có lợi ích thành đạo. Từ nhỏ nhiệm mà đến sáng tỏ. Nướng vào sự thay đổi mà trở nên tốt đẹp nhờ nhân mà hưởng quả, nướng vào huân tu mà bắt đầu thấy biết. Người kia đã biết mà cố hỏi, ta cũng lược đáp lại. Rộng đàm pháp chân như, để tự hiển bày, khi đã hiển bày ra thì càng nhiệm mầu càng tỏ sáng. Cùng trở về thì ai đến ai đi. Bởi biết theo nghiệp mà chịu báo. Hai con chim không biết hiềm khích vì sự xấu đẹp, nhân từ loài thấp sanh mà đến. Hai con muỗi không lựa chọn chỗ hóa sanh, mà là do đợi hay không đợi. Hiểu được đợi mà không đợi, xin hãy thử xem bộ luận này. Thuở xưa, Hám Trạch có hỏi rằng: Khổng giáo và Lão giáo là noi theo trời mà không dám trái mệnh trời. Các vị trời bắt chước Phật không dám trái lời Phật. Còn thuận theo trời mà chế ra Hồng phạm cứu trừ. Trên thì nương theo mười điều lành mà phụng theo pháp Phật. Nếu so sánh Khổng giáo Lão giáo với Thánh Tôn thì có thể gọi là Tử Cống là bậc Hiền của Trọng Ni.

Con Ba Ba kiểng chân vượt qua con ngựa giỏi, muốn xem biển khơi mà du ngoạn trên dòng nước. Làm sao loài không mắt mà mong thấy được trời xanh. Người đi bộ mà cầu đến trước, là chuyện không thể có vậy. Vả lại Vương Đạo, Chu Ký mang mũ áo của Tể Phụ. Vương Mông, Tạ Thượng làm bậc vũ nghi trong nhân luân. Kế đến thì có Khích

Siêu, Vương Mật, Lưu Cầu, Tạ Dung v.v... Đều là những vị anh hùng của đất Giang Tả. Hơn bảy mươi người đều học theo Cửu lưu, tài anh khắp thiên cổ, cũng đều nói đến tánh linh chân là thiết yếu, có thể dùng để giữ thân mà cứu giúp thế tục, không gì hơn được đạo pháp của Thích Tôn. Còn như Tống Văn Đế cùng Hà Thượng Chi cũng có luận đàm về việc này. Như thế khắp trong thiên hạ đều tuân theo pháp yếu này, thì ta sẽ ngồi yên mà hưởng cảnh thái bình vậy.

Lại nói: Nếu xướng lên tu mười điều lành thì cõi trời, người thêm đông. Ngũ giới thực hành thì loài quỷ đói, súc sanh cũng được tỉnh ngộ. Đây chính là khuôn phép mẫu nhiệm cứu đời. Há là thô tháo mà luận bàn được sao? Văn của Trung Xá Nhân thì dồi dào cao diệu, văn hoa lý lẽ rõ ràng. Đời Tần thì treo một chữ, nhà Thục thì treo nghìn vàng